

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN IA GRAI  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-5-2024

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI - TỈNH GIA LAI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Quang Hà.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lan.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Nam – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Lê Đức Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 02/5/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Cao Thị H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn , xã I, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai, có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Tạ Văn H1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn , xã I, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NHÂN THẤY:**

Theo Đơn khởi kiện ngày 02/9/2023, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Cao Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Tạ Văn H1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An vào ngày 09/4/2010 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển đến sinh sống tại huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Cuộc sống chung vợ chồng đôi lúc xảy ra cãi vã mà nguyên nhân là ông H1 có tính hay ghen. Ông H1 cho rằng bà H đi suất khẩu lao động tại đất nước Hàn Quốc, thấy bà H đi ăn uống, đi chơi với

bạn bè thì ghen tuông. Do đó vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn cãi vã, cũng nhiều lần vợ chồng nói chuyện về việc cho bà H tiếp tục đi xuất khẩu lao động nữa nhưng ông H1 không đồng ý. Dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn nói chuyện hay liên lạc gì nhau từ năm 2021 đến nay. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng mâu thuẫn giữa bà H với ông H1 không giải quyết được. Nên bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được nữa nên khởi kiện xin ly hôn với ông Tạ Văn H1.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Tạ Văn Phi L, sinh ngày 13/9/2011 và Tạ Văn T sinh ngày 09/9/2014. Nếu được ly hôn thì đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho bà H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Cao Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Cao Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn là ông Tạ Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại hồ sơ, ông H1 trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông H1 thừa nhận lời trình bày của bà Cao Thị H về nội dung sau quá trình tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An vào ngày 09/4/2010 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2010 là đúng. Sau khi kết hôn ông, bà chuyển đến huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai làm ăn, sinh sống. Đến năm 2019 bà H đi xuất khẩu lao động tại nước Hàn Quốc. Năm 2022 vì muốn bà H về Việt Nam làm ăn sinh sống nhưng bà H không đồng ý dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng ít liên lạc với nhau.

Tháng 3/2023 bà H về Việt Nam sinh sống từ đó cho đến nay nhưng bà H nói không còn tình cảm với ông H1 nữa và muốn ly hôn với ông H1. Ông H1 và gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Ông H1 vẫn còn tình cảm với bà H. Mâu thuẫn vợ chồng là nhỏ nhặt chứ chưa lớn lao gì, chỉ là bà H muốn tiếp tục đi xuất khẩu lao động nhưng ông H1 muốn bà H ở Việt Nam cùng chồng, con sinh sống. Việc bà H khởi kiện xin ly hôn thì ông H1 không đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Tạ Văn Phi L, sinh ngày 13/9/2011 và Tạ Văn T sinh ngày 09/9/2014. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông ly hôn thì nguyện vọng ông H1 xin được trực tiếp nuôi con 02 chung, không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xây dựng hồ sơ vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, các thủ tục tố tụng được đảm bảo đúng thời hạn theo đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn

chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án, không có sai sót, vi phạm xảy ra.

Đối với bị đơn ông Tạ Văn H1 vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông Tạ Văn H1 gồm Thông báo về các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, ông H1 vẫn cố tình không đến tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa là không đảm bảo theo Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Cao Thị H và ông Tạ Văn H1 chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, tình trạng hôn nhân giữa bà Cao Thị H và ông Tạ Văn H1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông H1; về con chung, các cháu Tạ Văn Phi L, sinh ngày 13/9/2011 và Tạ Văn T sinh ngày 09/9/2014 còn nhỏ. Cần giao cho bà H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung; ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập. Bà H chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Cao Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông Tạ Văn H1, đây là tranh chấp về ly hôn. Ông Tạ Văn H1 có hộ khẩu thường trú tại thôn , xã I, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Ia Grai thụ lý, giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Tạ Văn H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông H1 là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Cao Thị H và ông Tạ Văn H1 kết hôn với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn ngày 09/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn của ông, bà là tự nguyện, trước khi kết hôn ông, bà có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau; được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Vì vậy, hôn nhân của ông H1, bà H là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét tình trạng hôn nhân giữa bà Cao Thị H và ông Tạ Văn H1 thấy rằng: Thời gian đầu chung sống với nhau vợ chồng ông H1, bà H có hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2019, bà H đi xuất khẩu lao động tại đất nước Hàn Quốc, vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn cãi vã, cũng nhiều lần vợ chồng nói chuyện về việc bà H muốn tiếp tục đi xuất khẩu lao động nhưng ông H1 không đồng ý. Dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn nói chuyện, sinh hoạt hay liên lạc gì nhau từ năm 2021 đến nay dù có ở chung nhà. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng mâu thuẫn giữa bà H với ông H1 không giải quyết được. Nên bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được nữa nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ia Grai giải quyết xin ly hôn với ông Tạ Văn H1.

[4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của ông H1 và bà H đã đến mức trầm trọng. Ông H1 đã được nhận Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tham gia là thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Không những từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình, mà còn gây cản trở cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông H1 đồng thời căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như xem xét ý kiến của nguyên đơn để quyết định là hợp lý. Ông H1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặt khác việc vắng mặt của ông H1 thể hiện ý thức không muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ như lời khai của ông tại hồ sơ vụ án. Mâu thuẫn giữa ông H1 và bà H xảy ra đã lâu và không thể hòa giải được. Quan điểm sống giữa ông H1 và bà H quá trái ngược nhau. Như vậy, mục đích của hôn nhân giữa ông, bà không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà H nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà H được ly hôn với ông H1 là hợp lý.

[5] Xét nguyện vọng được nuôi con chung thì thấy rằng: Bà Cao Thị H và ông Tạ Văn H1 có 02 con chung là Tạ Văn Phi L, sinh ngày 13/9/2011 và Tạ Văn T sinh ngày 09/9/2014. Việc nuôi con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ. Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo cho con chung được nuôi dạy trong điều kiện tốt nhất; bà Cao Thị H và ông Tạ Văn H1 đều có thu nhập ổn định. Ông H1 có diện tích đất rẫy khoảng 1,7 ha trồng cà phê. Thu nhập tùy mùa vụ. Bà H có công việc bán hàng online và 1-2 tháng đưa khách đi tham quan du lịch nên thu nhập khoảng 12-13.000.000 đồng/tháng. Hơn nữa, thời gian vợ chồng ly thân nhau đến nay bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung từ đó đến nay. Như vậy điều kiện nuôi con của bà H tốt hơn ông H1. Hơn nữa, các cháu Tạ Văn Phi L và Tạ Văn T cũng có nguyện vọng được ở với bà H nên bà H có nguyện vọng được tiếp tục các con chung cho đến khi các con trưởng thành có khả năng lao động được và để tránh sự sáo trộn về môi trường sống của trẻ thì giao các con chung là Tạ Văn Phi L và Tạ Văn T cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi bà H không yêu cầu ông H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Cao Thị H và ông Tạ Văn H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bà Cao Thị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

#### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

- Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Cao Thị H.

- Cho bà Cao Thị H được ly hôn với ông Tạ Văn H1.

#### **2. Về con chung:**

Giao cho bà Cao Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Tạ Văn Phi L, sinh ngày 13/9/2011 và Tạ Văn T sinh ngày 09/9/2014 cho đến khi các cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:** Ông Tạ Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:** Bà Cao Thị H và ông Tạ Văn H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**5. Về án phí:** Bà Cao Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009022, ngày 09/10/2023 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Bà H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 02/5/2024), đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- UBND xã N, Nam Đàn, Nghệ An;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Phạm Quang Hà**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**